TOÀ ÁN NHÂN DÂN **H1ỆN UH - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2020/QĐST-HNGĐ	

UH, ngày 04 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Phương T - sinh năm 1985.

*** Bị đơn có yêu cầu phản tố**: Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1981.

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- Ngân hàng A. (viết tắt là: Ngân hàng A).

Trụ sở: số 2 LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Anh T- Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng A, Chi nhánh UH.

- Quỹ tín dụng nhân dân VT.

Trụ sở: thôn NX, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, sinh năm 1969 - Chủ tịch HĐQT.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác:**

- Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB;

Trụ sở: thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1994 - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

- Ông Nguyễn M H2, sinh năm 1973 (anh trai anh C);
- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972 (vợ ông H2);
- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1996 (con gái anh H2);
- Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 2001 (con trai anh H2);
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948 (bố đẻ anh C);
- BàĐặng Thị H3, sinh năm 1952 (mẹ đẻ anh C);
- Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1974 (anh trai anh C);
- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 (chính là bên B);
- Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1986 (em trai anh C);
- Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1990 (em gái anh C).
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (cậu họ chị T)
- Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1966 (vợ ông C)
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954.
- Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1953 (chồng bà Nguyễn Thị T).
- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963 (mẹ đẻ chị T).
- Cháu Nguyễn Quốc H5, sinh năm 2006 (con trai chị T, anh C).
- Cháu Nguyễn Quốc H1, sinh năm 2013 (con trai chị T, anh C).

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 (con gái anh H2);

Nơi ĐKHKTT: thôn NX, thị trấn VĐ, H1ện UH, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Văn C cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện thỏa thuận, thống nhất và đều đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:

*2.1. Về tài sản chung:*Anh C và chị T đều xác nhận tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của hai anh chị gồm có: **(1)**01 ngôi nhà cấp 4, xây dựng 02 tầng đổ khung cột trần bê tông cốt thép, phía trên tầng 2 thiết kế kiểu mái chéo lợp ốp nan chống nóng, công trình phụ khép kín, được xây dựng trên một phần (65m2) diện tích thửa đất *(về phía Nam của thửa đất)*số 536, tờ bản đồ số 12, diện tích 171,1m2 *(bản đồ năm 2014)* tọa lạc tại xóm 1, thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội.Thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của chị T; Nhà và đất nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền S dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất mà chỉ được điều chỉnh trong sổ quản lý ruộng đất của xã về việc thửa đất trên do bà Nguyễn Thị S đứng tên trong sổ mục kê và bản đồ đo đạc của xã; Thửa đất có tứ cận và số đo như sau: Phía Đông giáp phần đất bờ mương kênh A của xã VT, có số đo 17,57m; Phía Tây giáp phần đất và nhà ông

Ngô Văn Lẫm, có số đo 17,88m; Phía Nam giáp phần đất đường ngõ xóm Thổ Hoàng Thượng, xã VT, có số đo12,39m; Phía Bắc giáp phần đất và nhà bà Phạm Thị Hằng, có số đo 11,97m; **(2)** tài sản khác gắn liền với nhà gồm có: 01 bàn thờ, 01 giường ngủ, 01 bộ bàn ghế, 01 Tivi, 01 tủ quần áo, 02 tủ lạnh, 02 cái máy giặt, 01 bình nóng lạnh, 01 bộ máy tính cây, xoong nồi, bát đũa, ...

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị S được toàn quyền sở hữu, quản lý, S dụng, định đoạt đối vớitoànbộthửa đất số 536, tờ bản đồ số 12*(bản đồ năm 2014)*, diện tích 117,1m2 tọa lạc tại thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội.

Giao cho chị Nguyễn Thị Phương T cùng 02 con chung của anh C và chị T là cháu Nguyễn Quốc H5 - sinh ngày 14/8/2006 và Nguyễn Quốc H1 - sinh ngày 15/02/2013 đ□ợc toàn quyền sở hữu, quảnlý, sử dụng, định đoạt ngôi nhà cấp 4 xây dựng 02 tầng trên diện tích 65m2, nằm trên thửa đất số 536 như đã nêu trên cùng toàn bộ tài sản khác gắn liền với nhà gồm có: 01 bàn thờ, 01 giường ngủ, 01 bộ bàn ghế, 01 Tivi, 01 tủ quần áo, 02 tủ lạnh, 02 cái máy giặt, 01 bình nóng lạnh, 01 bộ máy tính cây, xoong nồi, bát đũa, ...

{Trong quá trình quản lý, sử dụng, định đoạt đối với tài sản trên đất và diện tích thửa đất số 536, tờ bản đồ số 12 (bản đồ năm 2014), diện tích 171,1m2; địa chỉ thửa đất ở thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội thì bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T cùng Nguyễn Quốc H5 và Nguyễn Quốc H1 phải chấp hành các quyết định, quy định về quản lý đất đai của cơ quan Nhà n□ớc cấp có thẩm quyền}.

Anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ nhà và đất cho chị Nguyễn Thị Phương T và bà Nguyễn Thị S chậm nhất đến hết ngày 04 tháng 6 năm 2020.

2.2.Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) đều xác nhận hiện còn 06 (sáu) khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

- Một: Nợ Ngân hàng A chi nhánh UH số tiền nợ gốc 329.500.000đồng và nợ lãi kèm theo, theo hợp đồng tín dụng số 2207LAV201600515 và giấy nhận nợ ngày 16/3/2016 được ký kết giữa anh C chị T và Ngân hàng A chi nhánh UH.

- Hai: Nợ Quỹ Tín dụng nhân dân VT số tiền nợ gốc 130.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 24/HĐTD và phụ lục hợp đồng ngày 13/11/2015 được ký kết giữa anh C chị T và Quỹ Tín dụng nhân dân VT.

- Ba: Nợ Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2015-1-00008/HĐTD ngày 19/01/2015 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) và chị T với Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB.

- Bốn: Nợ vợ chồng ông C2 bà T số tiền nợ gốc 45.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 09/10/2013;

- Năm: Nợ bà S số tiền 20.166.000đồng*(đây là khoản tiền bà S trả nợ lãi của khoản vay 20.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 11/4/2015 cho vợ chồng ông C bà M2 thay cho anh C chị T).*

- Sáu: Nợ vợ chồng ông C bà M2 số tiền nợ gốc 20.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 11/4/2015;

2.2.1. Đối với khoản nợ Ngân hàng A chi nhánh UH theo hợp đồng tín dụng số 2207LAV201600515 ngày 16/3/2016 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1981 và chị T với Ngân hàng A. Anh C, chị T đều xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng A UH tổng số tiền 533.686.135đồng *(lãi tính đến hết ngày 30/5/2020)*, trong đó: nợ gốc 329.500.000 đồng, nợ lãi 204.186.135 đồng; Anh C chịu hoàn toàn trách nhiệm T toán cho Ngân hàng A, cụ thể:

* Chậm nhất đến hết ngày 29/6/2020 anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) có trách nhiệm T toán cho Ngân hàng A tổng số tiền 533.686.135 đồng *(lãi tính đến hết ngày 30/5/2020)*, trong đó: nợ gốc 329.500.000 đồng, nợ lãi 204.186.135đồng vàtiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa T toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2207LAV201600515 và Giấy nhận nợ cùng ngày 16/3/2016 đã ký kết kể từ ngày 31/5/2020 cho đến khi T toán hết nợ gốc cho Ngân hàng A.

* Toàn bộ số tiền khi anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) T toán, sẽ đượcNgân hàng A thu trừ vào số tiền nợ gốc tr□ớc.

* Trường hợp anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) trả xong toàn bộ nợ gốc là 329.500.000 đồng và số tiền nợ lãi 40.500.000 đồng theo đúng thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng sẽ miễn toàn bộ tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn còn lại cho anh C.

* Về lãi suất: Kể từ ngày 31/5/2020 anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụngvà giấy nhận nợ đã ký kết *(Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng A)* trên số d□nợ gốc t□ơng ứng với thời gian chậm trả.

* Nếu anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981) không thực hiện theo đúng thỏa thuận T toán nêu trên *(về thời gian và số tiền trả*) thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàngA theo hợp đồng thế chấp, cụ thể:toàn bộ quyền S dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 458, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội, diện tích 217,8m2, đất ở tại nông thôn, theo GCNQSD đất số seri BI 752115, do UBND H1ện UH cấp cho hộ ông Nguyễn M H2 ngày 11/03/2013, số vào sổ cấp GCN: CH02379, đăng ký giao dịch

bảo đảm ngày 17/9/2013 tại Văn phòng đăng ký QSD đất H1ện UH; theo Hợp đồng thế chấp quyền S dụng đất số công chứng 02351.2013 quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2013 tại Văn phòng công chứng Trần Gia.

* Trong tr□ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì anh Nguyễn Văn C(sinh năm 1981)có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợNgân hàng Acho đến khi T toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch sẽđược trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.2.2. Đối với khoản nợ Quỹ Tín dụng nhân dân VT số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 24/HĐTD ngày 13/11/2015 và phụ lục hợp đồng được ký kết giữa anh Nguyễn Văn C(sinh năm 1981) và chị T với Quỹ Tín dụng nhân dân VT. Khoản nợ này Quỹ tín dụng nhân dân VT đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi cho anh C chị T, chỉ yêu cầu anh C chị T phải trả số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng.Chị T (sinh năm 1985) là người chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc T toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân VT số tiền gốc 130.000.000 đồng, cụ thể:

* Chậm nhất đến hết ngày 29/6/2020 chị T (sinh năm 1985)phải có trách nhiệm T toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân VT số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn)*.

* Về lãi suất: Quỹ tín dụng nhân dân VT không yêu cầu chị T trả lãi.

* Nếu chị T không thực hiện theo đúng thỏa thuận T toán nêu trên *(vi phạm về thời gian và số tiền trả*)thì Quỹ tín dụng nhân dân VT có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân VT theo hợp đồng thế chấp, cụ thể:toàn bộ quyền S dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại thôn TB, xã VT, H1ện UH, thành phố Hà Nội, diện tích 301,1m2, đất ở tại nông thôn, theo GCNQSD đất số seri BO 325009, do UBND H1ện UH cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 17/4/2013, số vào sổ cấp GCN: CH00009, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/3/2013 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường H1ện UH; theo Hợp đồng thế chấp quyền S dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 31/2013/HĐ-THC, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2013 tại Văn phòng công chUH Nam.

* Trong tr□ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì chị T có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợQuỹ tín dụng nhân dân VTcho đến khi T toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

*2.2.3. Đối với khoản nợ Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB*số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2015-1-00008/HĐTD ngày 19/01/2015 và phụ lục hợp đồng được ký kết giữa anh C chị T và Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB. Khoản nợ này Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB đồng ý miễn

toàn bộ tiền lãi cho anh C chị T, chỉ yêu cầu anh C chị T phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000đồng.Chị T (sinh năm 1985) là người chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc T toán cho Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB số tiền gốc 100.000.000đồng, cụ thể:

* Chậm nhất đến hết ngày 15/12/2020 chị T (sinh năm 1985)phải có trách nhiệm T toán cho Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng chẵn)*.

* Về lãi suất: Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VBđồng ý miễn toàn bộ tiền lãi cho chị T.

* Nếu chị T không thực hiện theo đúng thỏa thuận T toán nêu trên *(về thời gian và số tiền trả)*thì Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp VB có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc chị T (sinh năm 1985)phải T toán toàn bộ nghĩa vụ gốc theo quy định pháp luật.

2.2.4. Đối với khoản nợ của vợ chồng ông C2 bà T số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng. Chị T (sinh năm 1985)là người chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với khoản nợ này, cụ thể: Chậm nhất đến hết ngày 25/8/2020 chị T có trách nhiệm T toán cho vợ chồng ông C2 bà T số tiền nợ gốc 45.000.000đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn)*. Vợ chồng ông C2 bà T không yêu cầu chị T trả tiền nợ lãi.

Trường hợp chị T (sinh năm 1985)không thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên *(vi phạm về thời gian, số tiền trả)* thì vợ chồng ông C2 và bà T có quyền làm đơn đến cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc chị T phải T toán toàn bộ nghĩa vụ gốc theo quy định của pháp luật.

2.2.5. Đối với khoản nợcủabà S số tiền 20.166.000đồng. Chị T (sinh năm 1985) là người chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với khoản nợ, cụ thể: Chậm nhất đến hết ngày 01/7/2020 chị T (sinh năm 1985)phải có trách nhiệm T toán cho bà S số tiền20.166.000đồng *(Hai mươi triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*. Bà S không yêu cầu chị T phải trả tiền nợ lãi cho bà.

Trường hợp chị T (sinh năm 1985)không thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên (*vi phạm về thời gian, số tiền trả)* thì bà S có quyền làm đơn đến cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc chị T phải T toán toàn bộ nghĩa vụ gốc theo quy định của pháp luật.

2.2.6. Đối với khoản nợ của vợ chồng ông C, bà M2 số tiền nợ gốc 20.000.000đồng. Chị T (sinh năm 1985)là người chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với khoản nợ này, cụ thể: Chậm nhất đến hết ngày 20/6/2021 chị T có trách nhiệm T toán cho vợ chồng ông C, bà M2 số tiền nợ gốc 20.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng chẵn)*vàtiền lãi phát sinh kèm theo kể từ ngày 04/3/2020 âm lịch (tức ngày 27/3/2020

D2 lịch) cho đến khi trả hết khoản nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả và với lãi suất 1,5%/tháng = 18%/năm.

* Về lãi suất: Kể từ ngày 27/3/2020 Chị T (sinh năm 1985)tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất 18%/năm trên số dư nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Trường hợp chị T không thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên *(vi phạm về thời gian trả, số tiền trả,…)* thì vợ chồng ông C bà M2 có quyền làm đơn đến cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc chị T phải T toán toàn bộ nghĩa vụ gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Phương Tnộp cả 150.000đồng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn của chị T và 150.000 đồng án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Quỹ tín dụng nhân dân VT), được đối trừ vào 300.000đồng dự phí đã nộptheo Biên lai số 0009550 ngày 27/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện UH.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn C nộp cả 150.000đồng án phí đối với yêu cầu chia nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn của anh C và 150.000 đồng án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng A), được đối trừ vào 300.000đồng dự phí đã nộptheo Biên lai số 0009627 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện UH.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.687.000đồng theo Biên lai số 0009639 ngày 11/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện UH.

Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân VTsố tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000đồng theo Biên lai số 0009634 ngày 11/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện UH.

3.Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Quyết định này có H lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND thành phố Hà Nội
- VKSND H1ện UH;
- UBND xãVT;

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

NguyễnVănThiện